

Lạm phát kỳ vọng tăng lên do chi phí đẩy

Lê Trần Thu Hằng

Chuyên viên, Ngành Kinh Tế Vĩ Mô
hang.ltthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4870

Phạm Vũ Thăng Long

Giám Đốc Cấp Cao, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Giá năng lượng tăng cao do rủi ro địa chính trị khiến CPI tháng 3/2026 của Việt Nam tăng lên 4,65% so với cùng kỳ (tăng 1,23% so với tháng trước, mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 12/2019, không bao gồm yếu tố mùa vụ), vượt dự báo của HSC (tăng 4,11%). CPI bình quân Q1/2026 đạt 3,51%, thấp hơn so với dự báo của HSC (tăng 4,3%) và mục tiêu của NHNN (4,5%).
- HSC dự báo lạm phát tháng 4/2026 tăng lên 4,7% do giá nhóm giao thông tiếp tục ở mức cao (ước tính đóng góp 1,2 điểm phần trăm) và chi phí liên quan đến nhà ở (1,35 điểm phần trăm), trong khi giá nhóm lương thực & thực phẩm giảm xuống giúp hạ nhiệt một phần lạm phát tổng thể.
- Lạm phát toàn cầu đối mặt với sức ép từ chi phí giao thông. Trong đó, CPI của Mỹ được dự báo tăng lên 3,4% trong tháng 3 (so với 2,4% trong tháng 2) trong khi chỉ số PPI Trung Quốc tăng trưởng trở lại trong tháng 3/2026 kể từ tháng 9/2022, tiếp tục gia tăng sức ép lên CPI của Việt Nam.

Lạm phát tháng 3 tăng cao do giá nhóm giao thông tăng mạnh

Lạm phát tổng thể đã tăng mạnh lên 4,65% so với cùng kỳ trong tháng 3 (so với tăng 3,35% so với cùng kỳ trong tháng 2/2026), mức cao nhất kể từ tháng 1/2023 và [vượt dự báo của HSC \(4,11%\)](#). Kết quả này chủ yếu do áp lực chi phí xuất phát từ cú sốc năng lượng toàn cầu. So với tháng trước, lạm phát tăng 1,23%, chủ yếu phản ánh tác động ban đầu của giá năng lượng tăng cao, trong đó nhóm giao thông đóng góp 1,28 điểm phần trăm (tăng 12,85% so với tháng trước). Ngược lại, giá nhóm lương thực & thực phẩm giảm 0,59% so với tháng trước, giúp kiềm chế giảm 0,21 điểm phần trăm cho lạm phát tổng thể. Từ đó, lạm phát bình quân kể từ đầu năm đạt 3,51% so với cùng kỳ, thấp hơn dự báo của HSC cho năm 2026 (4,3%) và mục tiêu của NHNN (4,5%) (Biểu đồ 1, 2).

Nhóm giao thông tiếp tục gây sức ép lên CPI tháng 4

CPI tháng 4 ước tính tăng tốc lên 4,7% so với cùng kỳ (so với tăng 4,65% so với cùng kỳ trong tháng 3) do giá nhóm giao thông (ước tính đóng góp 1,2 điểm phần trăm) và nhà ở & vật liệu xây dựng (1,35 điểm phần trăm) tiếp tục thúc đẩy lạm phát. Các biện pháp hỗ trợ trong nước, bao gồm cắt giảm thuế tạm thời và sử dụng quỹ bình ổn giá, đã hạ nhiệt một phần giá xăng, mặc dù giá xăng RON 95 III kể từ đầu tháng vẫn tăng khoảng 0,6% so với bình quân tháng 3 tính đến ngày 9/4/2026. Ngược lại, giá nhóm lương thực & thực phẩm ước tính sẽ giảm nhẹ trong bối cảnh giá xuất khẩu gạo và giá thịt lợn hơi giảm (Biểu đồ 5).

Tình hình lạm phát toàn cầu

Rủi ro lạm phát toàn cầu gia tăng trong tháng 3 do gián đoạn nguồn cung liên quan tới cuộc xung đột giữa Mỹ-Israel và Iran. Tại Mỹ, Fed giữ nguyên lãi suất điều hành ở mức 3,5-3,75% trong tháng 3 nhưng nâng dự báo chỉ số PCE cơ bản cho năm 2026-2027, phản ánh những bất ổn ngày càng lớn do biến động giá năng lượng. Mặc dù Fed vẫn kỳ vọng sẽ cắt giảm 25 điểm cơ bản lãi suất điều hành trong năm 2026, thị trường tương lai hiện thận trọng kỳ vọng Fed sẽ không cắt giảm lãi suất điều hành trong năm nay, sau đó chỉ cắt giảm 25 điểm cơ bản vào giữa năm 2027. Trong khi chỉ số CPI của Mỹ ước tính tăng 1% so với tháng trước và tăng 3,4% so với cùng kỳ trong tháng 3, chỉ số PPI của Trung Quốc đã tăng trở lại, ở mức 0,5% so với cùng kỳ trong tháng 3, lần đầu tiên kể từ tháng 9/2022.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 10/4.

Bảng 1: Tổng quan tình hình lạm phát tại Việt Nam

Sau một giai đoạn dài suy yếu và giúp neo giữ lạm phát, chi phí giao thông tháng 3 đã tăng hai chữ số so với tháng trước trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị leo thang

% so với cùng kỳ	T3/25	T4/25	T5/25	T6/25	T7/25	T8/25	T9/25	T10/25	T11/25	T12/25	T1/26	T2/26	T3/26
CPI tổng thể	3.13	3.12	3.24	3.57	3.19	3.24	3.38	3.25	3.58	3.48	2.53	3.35	4.65
CPI cơ bản	3.10	3.14	3.33	3.46	3.30	3.25	3.18	3.30	3.28	3.27	3.19	3.74	3.96
Lương thực & thực phẩm	3.83	4.09	3.72	3.01	2.92	2.58	2.06	2.09	3.29	4.20	3.64	5.28	4.72
Lương thực	0.68	0.66	0.74	0.38	0.24	0.06	-0.72	-1.46	-1.49	-1.20	-1.22	-0.05	0.72
Thực phẩm	4.54	4.91	4.25	3.16	2.99	2.51	1.93	1.96	3.85	5.18	4.26	6.26	4.69
Ăn uống ngoài gia đình	3.45	3.57	3.71	3.76	3.90	3.84	3.57	3.96	4.05	4.21	4.31	5.31	6.58
Đồ uống & thuốc lá	2.05	2.07	2.07	2.10	2.24	2.25	2.35	2.36	2.20	2.05	1.95	3.03	3.44
Máy mặc, mũ nón, giày dép	1.16	1.09	1.14	1.35	1.37	1.49	1.41	1.50	1.41	1.33	1.21	1.87	1.82
Nhà ở & vật liệu xây dựng	5.30	5.73	6.10	7.23	7.07	6.99	6.87	6.76	5.73	5.23	5.60	5.60	5.88
Thiết bị & đồ dùng gia đình	1.58	1.57	1.64	1.68	1.71	1.73	1.69	1.69	1.78	1.77	1.71	2.23	2.44
Dịch vụ y tế	14.59	13.56	13.58	12.92	12.81	12.64	12.62	12.63	12.65	10.27	0.92	0.74	1.00
Giao thông	-4.07	-6.89	-5.66	-1.87	-3.74	-1.92	1.46	-0.02	1.11	-0.55	-3.76	-3.19	10.81
Bưu chính viễn thông	-0.52	-0.50	-0.20	-0.24	-0.38	-0.57	-0.62	-0.54	-0.30	-0.25	-0.28	-0.24	-0.07
Giáo dục	-0.25	2.76	3.03	3.06	3.05	3.11	3.24	3.27	3.20	3.05	3.14	3.21	3.30
Văn hóa, thể thao, giải trí	2.16	2.14	2.11	1.70	1.76	1.73	1.84	1.81	1.63	1.31	1.11	2.31	2.07
Các hàng hóa & dịch vụ khác	6.53	6.40	6.64	6.68	3.00	2.91	2.88	3.06	3.07	3.03	2.94	4.10	4.01

Nguồn: Cục Thống kê, HSC

Cập nhật lạm phát hàng tháng

CPI tháng 3 của Việt Nam tăng 4,65% so với cùng kỳ, mức cao nhất kể từ tháng 1/2023 và vượt dự báo của HSC (4,11%) do áp lực từ những cú sốc nguồn cung năng lượng. So với tháng trước, lạm phát tăng 1,23%, dẫn đầu là nhóm giao thông (tăng 12,85%), đóng góp 1,28 điểm phần trăm. Lạm phát bình quân Q1/2026 đạt 3,51% so với cùng kỳ, thấp hơn dự báo của HSC (4,3%) và mục tiêu của NHNN (4,5%). CPI tháng 4 được dự báo sẽ tăng tốc lên 4,7% so với cùng kỳ, trong đó phần tăng của giá nhóm giao thông và nhà ở bù đắp cho phần giảm của nhóm lương thực, y tế và giáo dục. Nhóm giao thông được dự báo sẽ đóng góp 1,2 điểm phần trăm vào lạm phát tổng thể trong bối cảnh thị trường năng lượng toàn cầu vẫn đang biến động. Toàn cầu, Fed đã nâng dự báo chỉ số PCE cơ bản năm 2026 lên 2,7% so với cùng kỳ (từ 2,5% trước đó) trước khi công bố CPI tháng 3, trong khi chỉ số PPI tháng 3 của Trung Quốc đã tăng trở lại, lần đầu kể từ tháng 9/2022.

Lạm phát tháng 3 tăng cao do giá nhóm giao thông tăng mạnh

CPI tháng 3 của Việt Nam tăng 4,65% so với cùng kỳ, tăng tốc so với tăng 3,35% so với cùng kỳ trong tháng 2, mức tăng so với cùng kỳ mạnh nhất kể từ tháng 1/2023 và vượt dự báo của HSC (4,11%), trước sức ép giá năng lượng tăng cao vì cú sốc nguồn cung trong bối cảnh xung đột giữa Mỹ-Israel và Iran kể từ cuối tháng 2.

So với tháng trước, lạm phát tổng thể tăng 1,23% trong tháng 3 (so với tăng 1,14% trong tháng 2 do yếu tố mùa vụ), mức tăng so với tháng trước mạnh nhất kể từ tháng 12/2019, không bao gồm yếu tố mùa vụ, chủ yếu do tác động trực tiếp của giá năng lượng tăng cao (bao gồm nhiên liệu, xăng & dầu diesel) lên nhóm giao thông và vật liệu xây dựng & nhà ở (Biểu đồ 2).

Cụ thể, giá nhóm giao thông tăng mạnh nhất 12,85% so với tháng trước, tháng tăng thứ 2 liên tiếp và đóng góp 1,28 điểm phần trăm vào lạm phát tổng thể. Xung đột Mỹ-Israel và Iran leo thang kể từ cuối tháng 2/2026 đã đẩy giá dầu Brent toàn cầu tăng mạnh và ảnh hưởng trực tiếp đến giá nhóm giao thông trong nước, trong đó giá nhiên liệu tăng 29,72% và giá dầu diesel tăng 57,03%. Cước vận tải hành khách cũng tăng đáng kể ở tất cả các loại hình: máy bay tăng 23,19%, đường sắt tăng 13,92%, đường thủy tăng 6,51%, xe buýt tăng 4,32% và đường bộ tăng 2,38%. Đáng chú ý, giá xăng RON-95 III bình quân trong nước đã tăng 35% so với tháng trước lên 25.903đ/l trong tháng 3 và kết thúc tháng ở mức 24.332đ/l (Biểu đồ 3, 4). Nhìn lại giai đoạn xung đột Nga - Ukraine vào tháng 2/2022, giá xăng RON-95 III đã tăng 13,4% so với tháng trước trong tháng 3/2022 lên 28.635đ/l và kết thúc tháng ở mức 29.192đ/l, theo đó giá nhóm giao thông tăng 4,8% so với tháng trước vào thời điểm đó. Mặc dù giá nhiên liệu tuyệt đối trong tháng 3/2026 vẫn thấp hơn so với tháng 3/2022, nhưng mức tăng so với tháng trước mạnh hơn nhiều sau 9 đợt điều chỉnh giá trong tháng trong bối cảnh giá dầu Brent toàn cầu biến động mạnh, từ đó khiến áp lực lạm phát nhóm giao thông lớn hơn đáng kể.

Bảng 2: Tổng quan tình hình lạm phát hàng tháng

Các tác động vòng một của cú sốc nguồn cung đã bắt đầu ảnh hưởng đến chỉ số nhóm giao thông

	T8/25	T9/25	T10/25	T11/25	T12/25	T1/26	T2/26	T3/26
CPI tổng thể (% so với tháng trước)	0.05	0.42	0.20	0.45	0.19	0.05	1.14	1.23
Lương thực & thực phẩm	-0.06	0.41	0.59	0.95	0.75	0.20	2.02	-0.59
Lương thực	0.01	-0.01	0.02	0.30	0.55	0.29	0.94	-0.06
Thực phẩm	-0.18	0.49	0.69	1.33	0.98	0.09	2.34	-1.41
Ăn uống ngoài gia đình	0.20	0.39	0.57	0.34	0.29	0.44	1.71	1.17
Đồ uống & thuốc lá	0.17	0.12	0.12	0.10	0.06	0.58	1.18	0.37
Máy mặc, mũ nón, giày dép	0.17	0.07	0.18	0.12	0.20	0.25	0.55	0.01
Nhà ở & vật liệu xây dựng	0.21	0.41	0.01	-0.10	0.06	0.70	0.56	0.77
Thiết bị & đồ dùng gia đình	0.11	0.10	0.20	0.17	0.16	0.26	0.57	0.33
Y tế & chăm sóc cá nhân	0.03	0.03	0.04	0.06	0.03	0.19	0.14	0.38
Y tế & chăm sóc cá nhân: Dịch vụ y tế	0.00	0.00	0.01	0.02	0.00	0.23	0.14	0.33
Giao thông	-0.11	0.58	-0.81	1.07	-1.08	-2.32	1.23	12.85
Bưu chính viễn thông	-0.04	0.04	0.03	-0.06	0.02	-0.15	0.01	0.18
Giáo dục	0.21	2.22	0.51	0.05	0.01	0.05	0.09	0.10
Dịch vụ giáo dục	0.21	2.43	0.56	0.05	0.00	0.04	0.09	0.09
Văn hóa, thể thao, giải trí	0.08	-0.13	0.06	0.01	-0.12	0.07	1.36	-0.05
Các hàng hóa & dịch vụ khác	0.11	0.22	0.43	0.30	0.19	0.41	1.30	0.13

Nguồn: Cục Thống kê, HSC

Giá nhóm vật liệu xây dựng & nhà ở tăng 0,77% so với tháng trước, mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 6/2025, đóng góp 0,17 điểm phần trăm vào lạm phát tổng thể. Điều

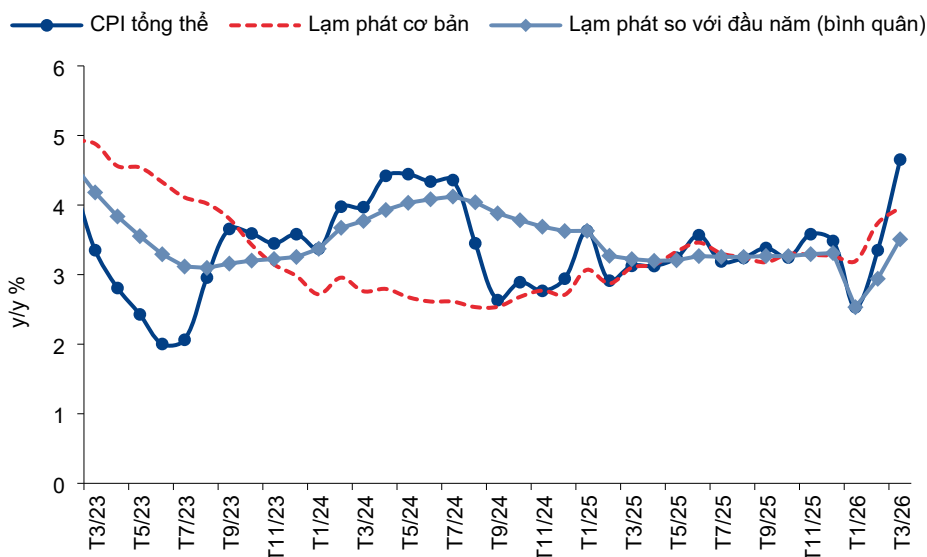
này chủ yếu do giá dầu hỏa (tăng 62,35% so với tháng trước), xăng (tăng 5,56% so với tháng trước), vật liệu bảo trì nhà cửa (tăng 1,58% so với tháng trước), dịch vụ sửa chữa (tăng 1,2% so với tháng trước) và tiền thuê nhà (tăng 0,94% so với tháng trước) tăng mạnh, bù đắp hoàn toàn cho phần giảm của giá điện sinh hoạt (giảm 0,39% so với tháng trước).

Giá nhóm y tế & chăm sóc cá nhân tăng 0,38% so với tháng trước (đóng góp 0,02 điểm phần trăm), trong đó giá dịch vụ y tế tăng 0,33% do một số địa phương áp dụng cơ chế giá mới theo Nghị quyết số 335/NQ-CP (ngày 17/10/2025), trong đó bao gồm chi phí quản lý vào phí dịch vụ y tế, trong khi giá dược phẩm cũng tăng 0,49% so với tháng trước, phản ánh chi phí nhập khẩu đầu vào và chi phí sản xuất & phân phối tăng lên.

Giá các nhóm hàng hóa khác tăng vừa phải hơn, bao gồm đồ uống & thuốc lá (tăng 0,37% so với tháng trước) do chi phí đầu vào tăng, thiết bị & đồ gia dụng (tăng 0,33% so với tháng trước), bưu chính & viễn thông (tăng 0,18% so với tháng trước), hàng hóa & dịch vụ khác (tăng 0,13% so với tháng trước), giáo dục (tăng 0,10% so với tháng trước) và quần áo, mũ & giày dép (tăng 0,01% so với tháng trước).

Biểu đồ 3: Lạm phát hàng năm

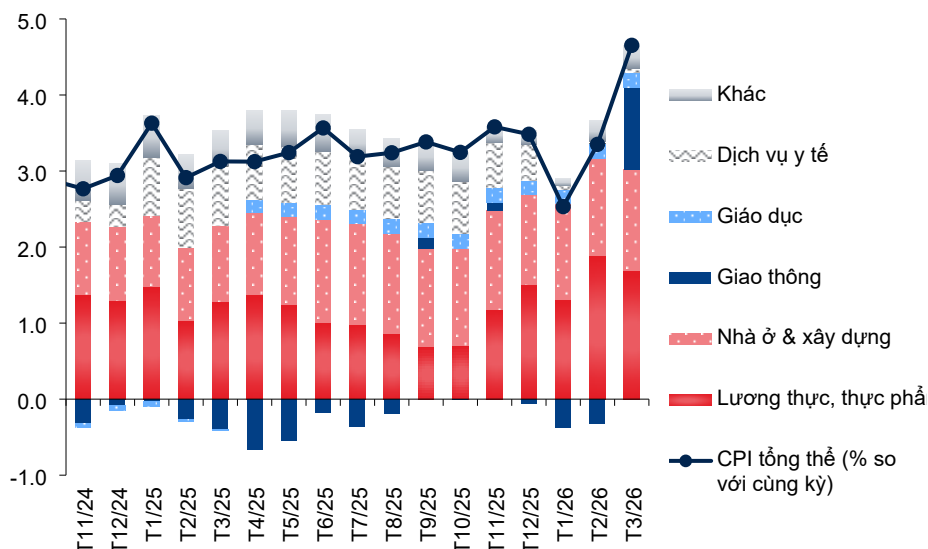
CPI tăng đáng kể 4,65% so với cùng kỳ trong tháng 3, từ đó đẩy mức lạm phát trong Q1/2026 lên 3,51% so với cùng kỳ



Nguồn: Cục Thống kê, HSC

Biểu đồ 4: Đóng góp vào lạm phát tổng thể

Trong tháng 3, đóng góp từ nhóm giao thông tăng đáng kể trong khi đóng góp của nhóm lương thực và thực phẩm giảm nhẹ



Nguồn: Cục Thống kê, HSC

Ngược lại, giá nhóm văn hóa, thể thao & giải trí giảm nhẹ 0,05% so với tháng trước sau kỳ nghỉ Tết, trong khi giá nhóm lương thực & thực phẩm giảm 0,59% so với tháng trước, đóng góp giảm 0,21 điểm phần trăm vào CPI tổng thể. Trong đó, giá lương thực giảm 0,06%, chủ yếu do giá gạo trong nước giảm xuống trong bối cảnh nguồn cung dồi dào trong mùa thu hoạch ở Đồng bằng sông Cửu Long, cùng với nhu cầu toàn cầu suy yếu và cạnh tranh xuất khẩu gia tăng. Giá thực phẩm giảm 1,41%, chủ yếu do giá lợn hơi giảm 2,9% nhờ việc tái đàn ổn định và nhu cầu sụt giảm sau Tết. Xu hướng giảm phát trong nhóm lương thực & thực phẩm đã bù đắp nhiều hơn phần gia tăng của chi phí ăn ngoài gia đình (tăng 1,17%, đóng góp 0,11 điểm phần trăm) trong tháng 3.

Từ đó, lạm phát tổng thể Q1/2026 đạt bình quân 3,51% so với cùng kỳ, vẫn thấp hơn dự báo 4,3% cho năm 2026 của HSC và mục tiêu của NHNN (4,5%). Lạm phát Q1/2026 chủ yếu do giá nhóm vật liệu xây dựng & nhà ở tăng 5,69% so với cùng kỳ, đóng góp 1,29 điểm phần trăm, và giá nhóm lương thực & thực phẩm tăng 4,55% so với cùng kỳ, đóng góp 1,63 điểm phần trăm.

Lạm phát cơ bản tăng 0,47% so với tháng trước và tăng 3,96% so với cùng kỳ trong tháng 3 (so với tăng 0,82% so với tháng trước và tăng 3,74% so với cùng kỳ trong tháng 2), tương đương lạm phát cơ bản kể từ đầu năm đạt bình quân 3,63% so với cùng kỳ, cao hơn một chút so với lạm phát tổng thể, do loại trừ nhóm lương thực, yếu tố giúp kiềm chế lạm phát kể từ đầu năm, khỏi tính toán CPI tổng thể.

Nhóm giao thông tiếp tục gây sức ép lên CPI tháng 4

Thời gian tới, HSC dự báo lạm phát sẽ tăng tốc lên 4,7% so với cùng kỳ trong tháng 4 (tăng 0,12% so với tháng trước), so với tăng 4,65% trong tháng 2. Áp lực lạm phát nhiều khả năng sẽ tiếp tục gia tăng từ phía chi phí do đóng góp tăng từ nhóm giao thông và nhà ở & vật liệu xây dựng lớn hơn đóng góp giảm từ nhóm lương thực & thực phẩm, cũng như nhóm y tế & giáo dục (Biểu đồ 5).

Cụ thể, HSC dự báo nhóm giao thông sẽ đóng góp thêm 1,2 điểm phần trăm vào lạm phát tổng thể tháng 4, so với 1,08 điểm phần trăm trong tháng 3, do thị trường năng lượng toàn cầu tiếp tục bất ổn. Mặc dù các bên đã đạt được một thỏa thuận ngừng bắn 2 tuần vào ngày 8/4/2026 nhưng các [cuộc tấn công sau đó của Israel vào Lebanon](#) đã ảnh hưởng tới tính bền vững của thỏa thuận ngừng bắn và triển vọng mở cửa hoàn toàn eo biển Hormuz. Trong nước, vào tháng 3, Chính phủ đã giảm thuế bảo vệ môi trường, thuế GTGT và thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các sản phẩm dầu mỏ xuống 0% cho đến ngày 15/4/2026, đồng thời sử dụng quỹ bình ổn giá kể từ ngày

11/3/2026. Mặc dù các biện pháp này ước tính sẽ làm giảm nguồn thu ngân sách nhà nước khoảng 7,2 nghìn tỷ đồng/tháng, nhưng việc giảm thuế là cần thiết để bảo vệ hoạt động sản xuất & kinh doanh. Với việc chiếm khoảng 30% cơ cấu giá bán lẻ nhiên liệu, việc loại bỏ thuế, giữ nguyên các yếu tố khác, có thể giúp giá xăng giảm khoảng 30% so với có thuế. Với tầm quan trọng của các biện pháp này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã nhất trí trình Quốc hội phê duyệt gia hạn giảm thuế từ ngày 16/4/2026 đến ngày 30/6/2026 (Biểu đồ 8). Từ đó, tính đến ngày 9/4/2026, giá xăng RON 95-III đã giảm đáng kể so với kỳ điều chỉnh trước đó xuống 23.543đ/l, nhưng giá bình quân kể từ đầu tháng vẫn cao hơn khoảng 0,6% so với bình quân tháng 3 (Biểu đồ 7). Nếu thỏa thuận ngừng bắn vẫn bị vi phạm và eo biển Hormuz tiếp tục đóng cửa, những cú sốc nguồn cung kéo dài có thể nhanh chóng làm giảm hiệu quả của các công cụ ổn định giá trong nước hiện tại.

Giá nhóm nhà ở & vật liệu xây dựng ước tính sẽ đóng góp 1,35 điểm phần trăm vào lạm phát tháng 4 do áp lực giá dầu diesel & xăng kéo dài cùng với chi phí vật liệu bảo trì nhà ở tăng cao. Xu hướng này cũng được phản ánh vào chỉ số giá đầu vào trong chỉ số PMI tháng 3 của Việt Nam, tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 4/2022.

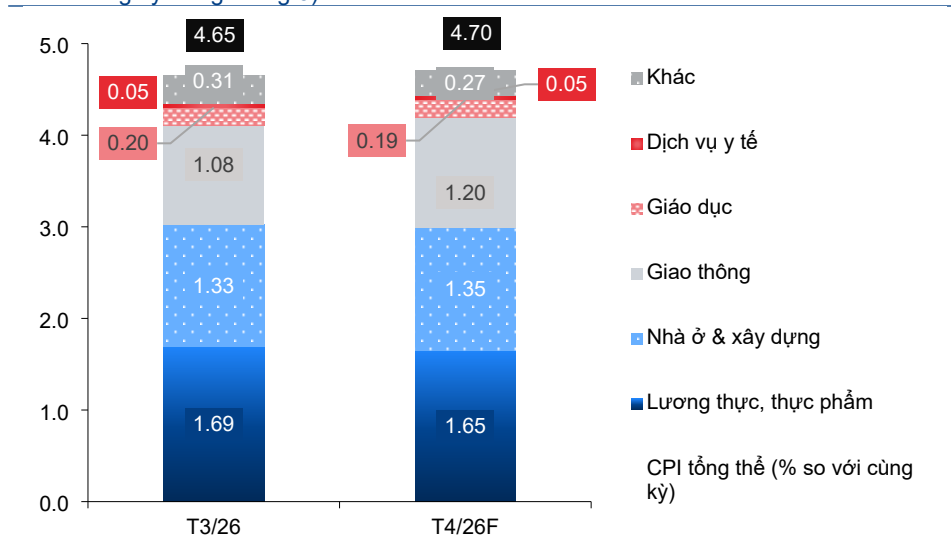
Ngược lại, chúng tôi dự báo giá nhóm lương thực & thực phẩm sẽ đóng góp giảm 1,65 điểm phần trăm, giảm từ 1,69 điểm phần trăm trong tháng 3, do áp lực giá hạ nhiệt khi cả giá gạo xuất khẩu & giá thịt lợn hơi đều theo xu hướng giảm. Giá thịt lợn bình quân cả nước đạt 64.807đ/kg tính đến ngày 7/4/2026, giảm 0,55% so với bình quân tháng 3 (Biểu đồ 6).

Đóng góp từ nhóm y tế & chăm sóc cá nhân được kỳ vọng sẽ ổn định, trong khi đó đóng góp của nhóm giáo dục ước tính sẽ giảm xuống 0,19 điểm phần trăm do yếu tố mùa vụ.

Nhìn chung, yếu tố bất định chính đối với CPI tháng 4 nằm ở các thành phần liên quan đến nhóm giao thông và nhà ở, trong khi trong trung hạn, chúng tôi cho rằng tác động vòng hai sẽ rõ rệt hơn, đặc biệt là trong bối cảnh xung đột địa chính trị kéo dài. Lưu ý rằng áp lực lạm phát hiện tại chủ yếu từ phía chi phí đẩy, trong khi nhu cầu tiêu dùng chưa phục hồi với tốc độ tương xứng. Điều này sẽ khiến việc quản lý chính sách trở nên khó khăn hơn vì các công cụ nhằm kiểm soát lạm phát có thể không đủ hiệu quả để giải quyết áp lực từ phía cung, chưa kể đến những rủi ro gia tăng từ các biện pháp điều chỉnh giá do nhà nước quản lý, cụ thể là giá điện, và việc tăng lương cơ bản sắp tới. Hiện tại, thị trường đang tập trung vào các dấu hiệu giảm leo thang tạm thời và điều này đặc biệt quan trọng trong việc duy trì hiệu quả của các biện pháp ổn định giá dầu.

Biểu đồ 5: Ước tính đóng góp vào CPI tổng thể trong tháng 3/2026

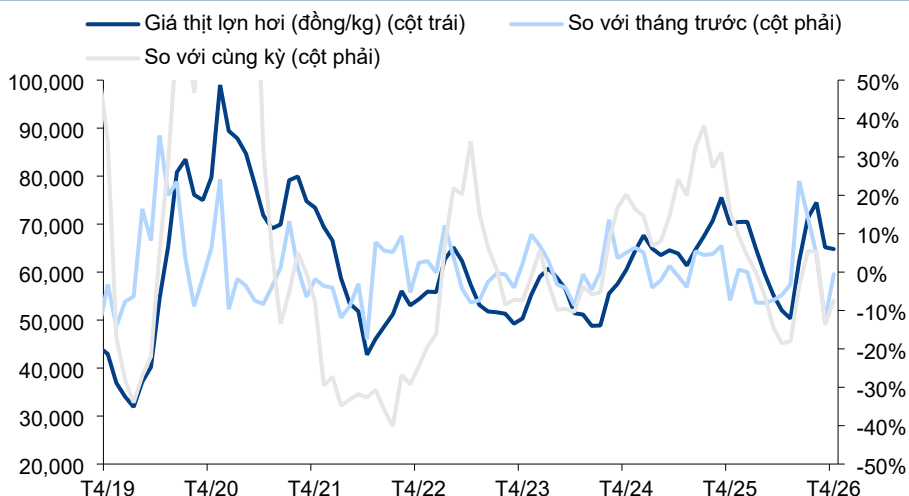
Chúng tôi dự báo lạm phát sẽ tăng 4,7% so với cùng kỳ trong tháng 4/2026 (từ mức 4,65% so với cùng kỳ trong tháng 3)



Nguồn: Cục Thống kê, HSC

Biểu đồ 6: Giá thịt lợn hơi

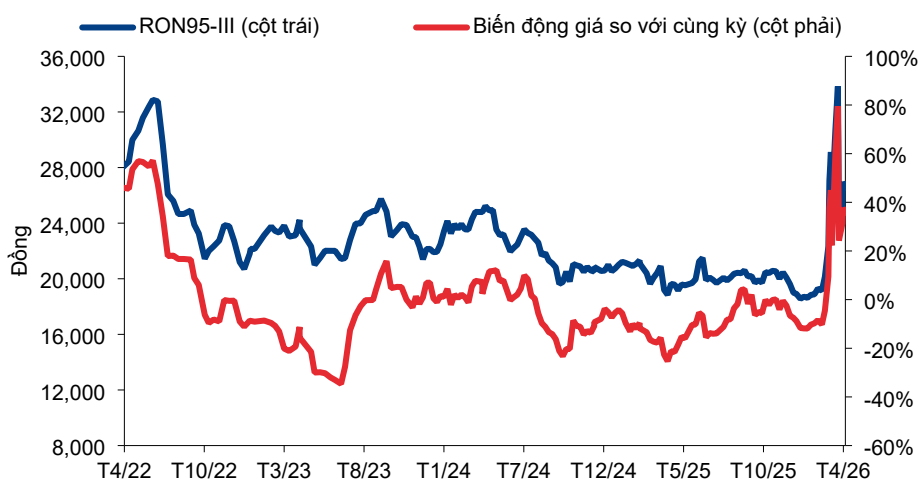
Giá thịt lợn hơi đầu tháng 4 tiếp tục xu hướng hạ nhiệt



Nguồn: Channuoivietnam.com, HSC

Biểu đồ 7: Giá nhiên liệu trong nước

Giá nhiên liệu đang tiệm cận mức từng ghi nhận trong giai đoạn xung đột Nga-Ukraine



Nguồn: Petrolimex, HSC

Bảng 8: Các biện pháp chính nhằm ứng phó với giá dầu tăng mạnh

Các loại thuế quan trọng đã được miễn giảm kể từ tháng 3/2026 nhằm hạn chế tác động tiêu cực khi giá dầu tăng mạnh

Các giải pháp	Chi tiết
Giảm thuế nhập khẩu về 0%	Chính phủ quy định Nghị định số 72/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng đến hết ngày 30/4/2026, giảm thuế nhập khẩu ưu đãi đối với nhiều mặt hàng xăng dầu và nguyên liệu sản xuất xăng dầu xuống 0%. Bộ Tài chính cũng đã đề xuất gia hạn mức thuế nhập khẩu 0% này đến giữa năm 2026 theo cập nhật mới nhất.
Quỹ bình ổn xăng dầu (PSF)	Từ ngày 10/03/2026, Quỹ Bình ổn giá xăng dầu đã được kích hoạt (5.000đ/lít đối với dầu diesel; 4.000đ đối với các loại nhiên liệu khác), khiến quỹ nhanh chóng giảm xuống khoảng 2,6 nghìn tỷ đồng tính đến ngày 19/03 (từ hơn 5,6 nghìn tỷ đồng vào cuối Q3/2025). Đề ứng phó, ngày 27/03, Thủ tướng đã phê duyệt khoản tạm ứng ngân sách Nhà nước 8 nghìn tỷ đồng, có hoàn trả trong vòng 12 tháng, nhằm hỗ trợ quỹ. Sau đó, mức chi sử dụng quỹ đã được điều chỉnh giảm (còn 4.000đ/lít đối với dầu diesel và 3.000đ/lít đối với xăng).
Thuế môi trường, giá trị gia tăng và tiêu thụ đặc biệt	Quyết định số 482/QĐ-TTg ban hành ngày 26/03/2026 (có hiệu lực đến 15/04/2026) đã đưa ra các biện pháp thuế tạm thời đối với xăng dầu, diesel và nhiên liệu hàng không: 1) Thuế bảo vệ môi trường đối với xăng (không bao gồm ethanol), diesel và nhiên liệu hàng không được giảm xuống 0đ/lít; 2) Các loại nhiên liệu này được miễn kể khai và nộp thuế VAT, nhưng vẫn được khấu trừ thuế đầu vào; 3) Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng được giảm về 0%.
Lực lượng đặc nhiệm an ninh năng lượng	Nghị quyết 36/NQ-CP cho phép Petrovietnam và các công ty con linh hoạt hơn trong việc mua và nhập khẩu dầu thô. Petrovietnam cũng đề xuất các biện pháp mạnh hơn, bao gồm tạm dừng xuất khẩu dầu thô để ưu tiên nguồn cung cho lọc dầu trong nước. Trong khi đó, BSR đang vận hành nhà máy lọc dầu Dung Quất trên 100% công suất. Ngày 09/03, Petrolimex cho biết doanh nghiệp sẵn sàng hy sinh lợi nhuận để tăng nhập khẩu và ổn định nguồn cung. Trong khi đó, PV Oil ghi nhận số dư quỹ PSF giảm từ 138,4 tỷ đồng xuống 402,9 tỷ đồng trong giai đoạn 5–13/03, tương đương mức rút khoảng 33 tỷ đồng/ngày.
Các biện pháp khác	Ngoài ra, các biện pháp bổ sung bao gồm: Đẩy nhanh triển khai nhiên liệu sinh học; đưa các nhà máy condensate và ethanol vào vận hành sớm hơn; thúc đẩy các chương trình tiết kiệm năng lượng.

Nguồn: HSC

Tình hình lạm phát toàn cầu

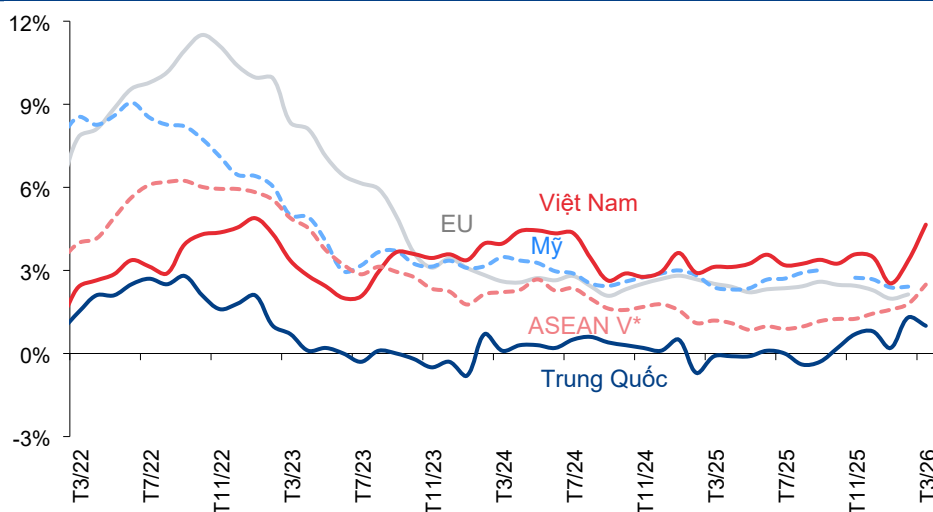
Bức tranh lạm phát toàn cầu trong tháng 3 cho thấy rủi ro gia tăng đối với những cú sốc cung do cuộc chiến tranh giữa Mỹ-Israel và Iran kéo dài.

Tại Mỹ, Fed duy trì lãi suất điều hành ổn định ở mức 3,5-3,75% trong cuộc họp tháng 3, nhưng đã điều chỉnh tăng dự báo PCE cơ bản cho năm 2026 & 2027 lên lần lượt 2,7% & 2,2% so với cùng kỳ, tăng lần lượt 0,2 điểm phần trăm & 0,1 điểm phần trăm so với dự báo tháng 12/2025, phản ánh những bất ổn về tác động lạm phát của cú sốc giá dầu toàn cầu. Về lộ trình chính sách, kịch bản cơ sở của Fed nhìn chung vẫn không thay đổi, trong đó các thành viên FOMC vẫn kỳ vọng cắt giảm 25 điểm cơ bản lãi suất điều hành vào cuối năm 2026, trong khi Chủ tịch Powell thừa nhận rằng một số nhà hoạch định chính sách hiện kỳ vọng Fed sẽ ít nới lỏng hơn trong năm nay so với ba tháng trước. Điều đáng chú ý là, mặc dù không phải là kịch bản cơ sở, khả năng tăng lãi suất đã được thảo luận rõ ràng tại cuộc họp tháng 3. Theo công cụ CME FedWatch, thị trường đang nghiêng về lập trường thận trọng hơn và hiện phản ánh Fed sẽ không cắt giảm lãi suất trong năm 2026, sau đó sẽ chỉ cắt giảm 25 điểm cơ bản vào tháng 6/2027. Trong trung hạn, kỳ vọng về lãi suất cho cuộc họp FOMC ngày 29/4/2026 sắp tới cũng đã được điều chỉnh lại. Tính đến ngày 8/4/2026, 98,4% người tham gia khảo sát kỳ vọng Fed sẽ giữ nguyên lãi suất, trong khi 1,6% kỳ vọng Fed tăng 25 điểm cơ bản. Điều này thể hiện sự thay đổi mạnh mẽ so với tháng trước, khi việc cắt giảm lãi suất vẫn được xem xét, với xác suất 17% cắt giảm 25 điểm cơ bản và thậm chí 0,5% kỳ vọng cắt giảm 50 điểm cơ bản (Biểu đồ 15). Khi NĐT chuẩn bị cho những diễn biến địa chính trị sắp tới, đặc biệt là sau thời gian đạt được thỏa thuận ngừng bắn 2 tuần, số liệu lạm phát sắp tới sẽ rất quan trọng trước cuộc họp tháng 4. Trong khi chỉ số PCE cơ bản tháng 2/2026 của Mỹ tăng 3% so với cùng kỳ (so với 3,1% so với cùng kỳ trong tháng 1/2026), chỉ số CPI tháng 3, có thể phản ánh tác động ban đầu từ giá dầu Brent tăng cao, ước tính sẽ tăng tốc lên 1% so với tháng trước và 3,4% so với cùng kỳ (so với tăng 0,3% so với tháng trước và tăng 2,4% so với cùng kỳ trong tháng 2) (Biểu đồ 13, 14).

Tại Trung Quốc, lạm phát tổng thể tăng 1% so với cùng kỳ trong tháng 3, thấp hơn dự báo của thị trường (1,2%), nhưng chỉ số PPI đã tăng 0,5% so với cùng kỳ, lần tăng đầu tiên kể từ tháng 9/2022, nhờ giá dầu toàn cầu tăng mạnh. Xu hướng này, nếu tiếp diễn, sẽ cần được theo dõi sát sao, vì Việt Nam, quốc gia phụ thuộc nhiều vào nguồn nhập khẩu nguyên liệu thô & hàng hóa trung gian từ Trung Quốc, đã được hưởng lợi do lạm phát chi phí đẩy ở mức thấp khi chỉ số PPI của Trung Quốc giảm phát kể từ cuối năm 2022. Xu hướng này có vẻ đang xuất hiện khi chỉ số giá đầu vào trong chỉ số PMI của Việt Nam tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 4/2022.

Biểu đồ 9: Tổng quan lạm phát toàn cầu (so với cùng kỳ)

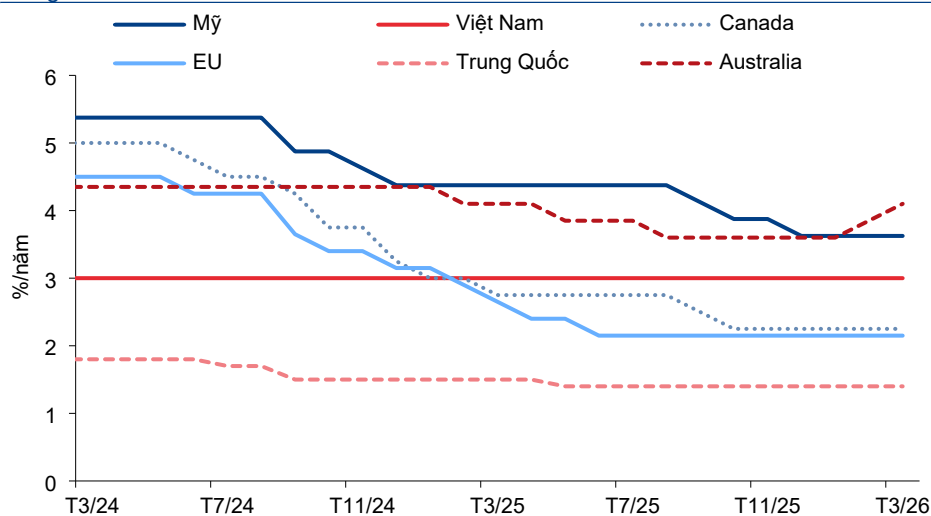
Lạm phát tại Việt Nam, cùng với các nền kinh tế ASEAN V khác, đã bắt đầu chịu tác động ban đầu từ các cú sốc giá dầu toàn cầu



Ghi chú: ASEAN V* gồm Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan
Nguồn: CEIC, HSC

Biểu đồ 10: Lãi suất điều hành của các nền kinh tế lớn

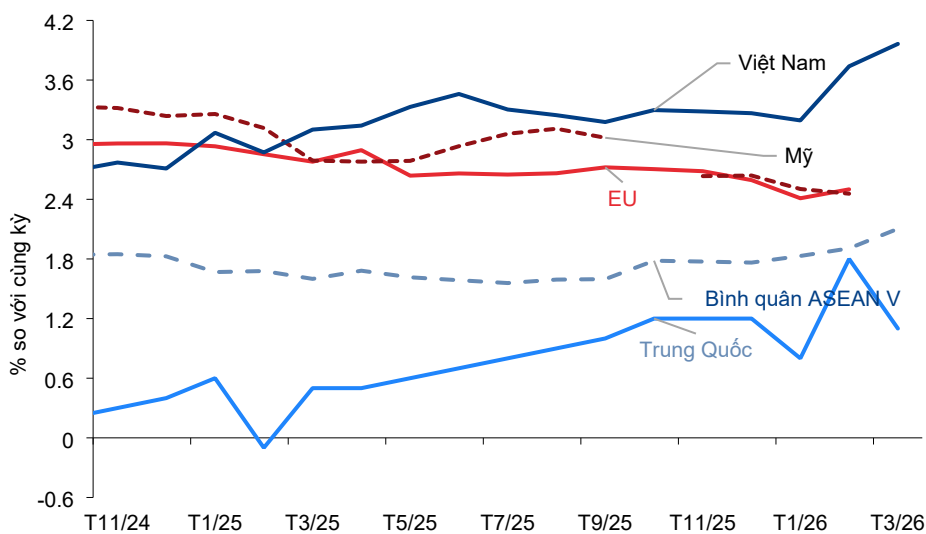
Fed giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp tháng 3, trong khi Ngân hàng Trung ương Úc tăng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản (lần tăng thứ hai từ đầu năm), đưa lãi suất lên 4,1% trong tháng 3



Nguồn: CEIC, HSC

Biểu đồ 11: Tổng quan lạm phát cơ bản toàn cầu

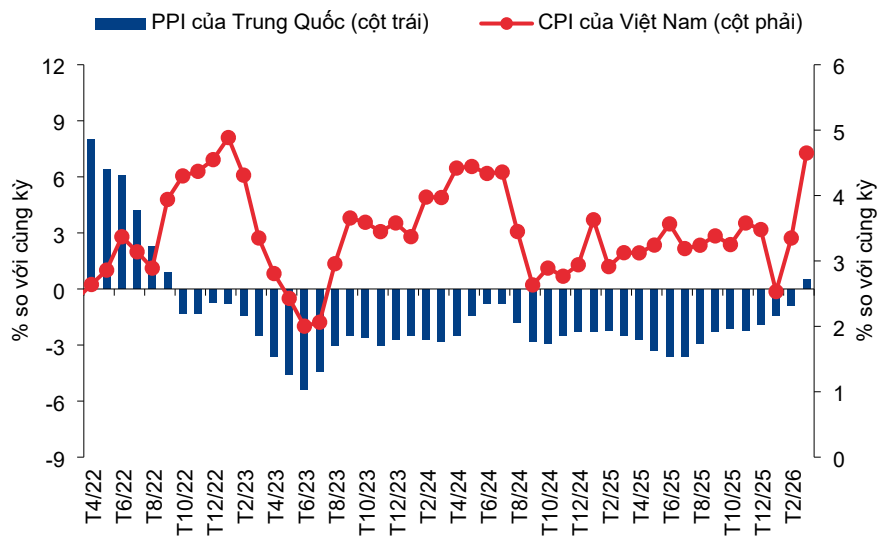
CPI cơ bản của Việt Nam tăng 3,96% so với cùng kỳ trong tháng 3 (so với mức 3,74% so với cùng kỳ trong tháng 2)



Nguồn: CEIC, HSC

Biểu đồ 12: Chỉ số giá sản xuất (PPI) của Trung Quốc

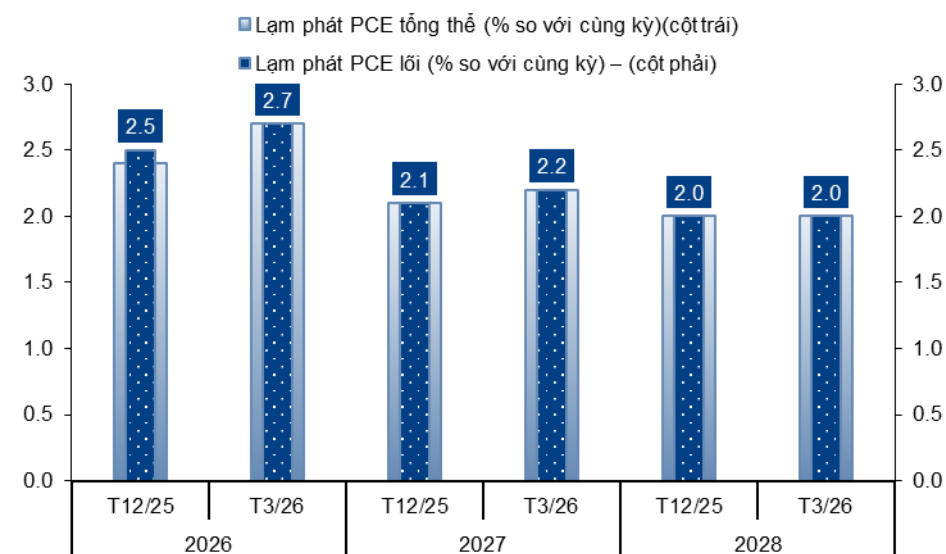
PPI của Trung Quốc tăng 0,5% so với cùng kỳ trong tháng 3, đánh dấu lần đầu tiên ghi nhận mức tăng dương kể từ tháng 9/2022



Nguồn: CEIC, HSC

Biểu đồ 13: Kỳ vọng lạm phát PCE của FOMC

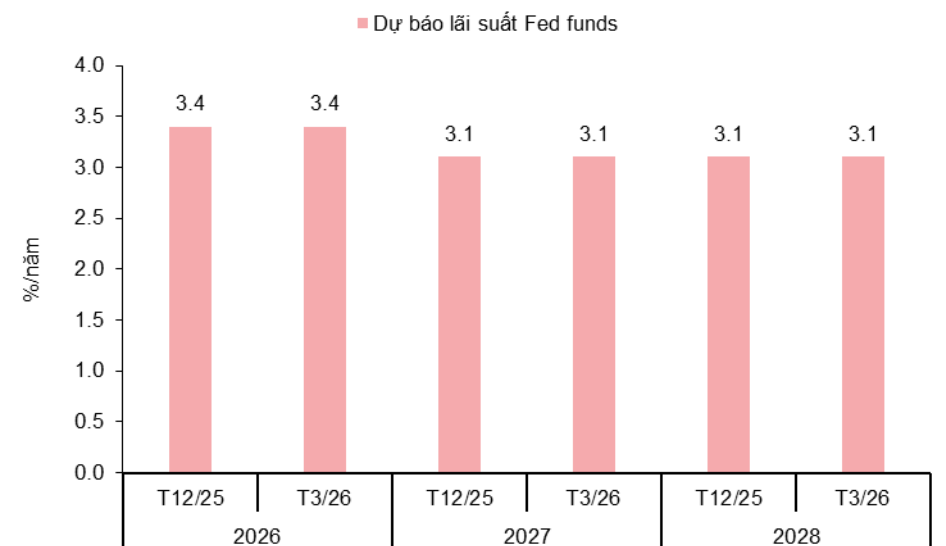
Cục Dự trữ Liên bang Mỹ đã nâng dự báo lạm phát lõi PCE năm 2026 lên 2,7% so với cùng kỳ trong cuộc họp tháng 3 (từ mức 2,5% trong cuộc họp tháng 12/2025) sau các cuộc không kích của Mỹ và Israel nhằm vào Iran hồi cuối tháng 2



Nguồn: federalreserve.gov, HSC

Biểu đồ 14: Dự báo lãi suất Fed Funds

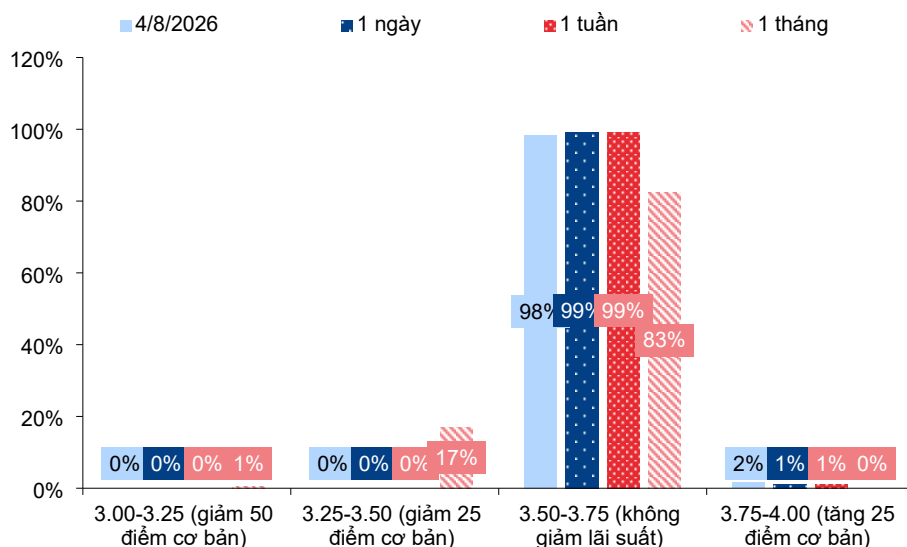
Mặc dù nâng dự báo lạm phát lõi PCE, Fed vẫn giữ nguyên triển vọng lãi suất trong cuộc họp tháng 3



Nguồn: federalreserve.gov, HSC

Biểu đồ 15: Xác suất lãi suất của Fed tại cuộc họp tháng 3/2026

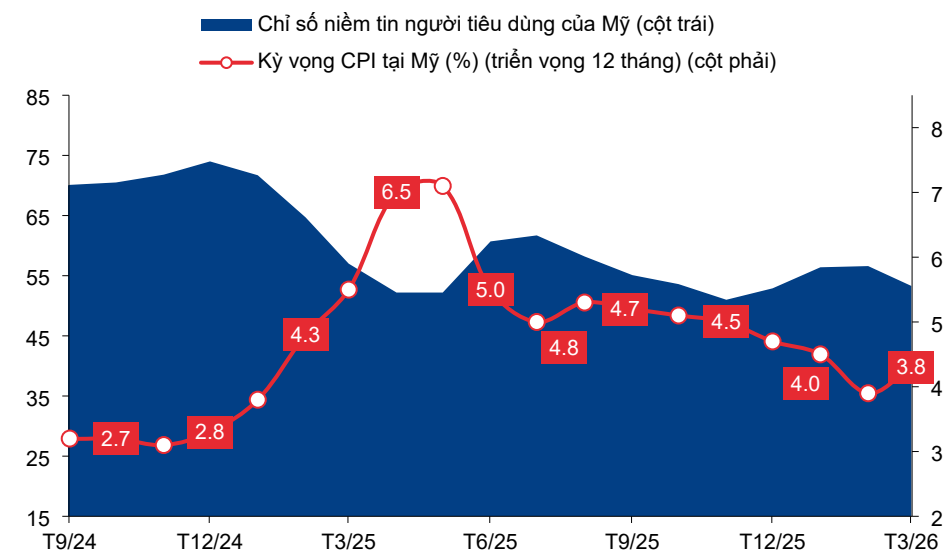
Thị trường hợp đồng tương lai đang phản ánh kỳ vọng Fed sẽ không điều chỉnh lãi suất điều hành tại cuộc họp tới



Nguồn: CME FedWatch, HSC

Biểu đồ 16: Chỉ số niềm tin người tiêu dùng và kỳ vọng lạm phát của Mỹ

Kỳ vọng lạm phát của Mỹ trong 12 tháng tới tăng lên 3,8% so với cùng kỳ trong tháng 3 (từ 3,4% trong tháng 2/2026), trong khi niềm tin người tiêu dùng giảm xuống 53,3 (từ 56,6 trong tháng 2/2026), phản ánh tình trạng lo ngại gia tăng về tác động lạm phát từ các cú sốc nguồn cung

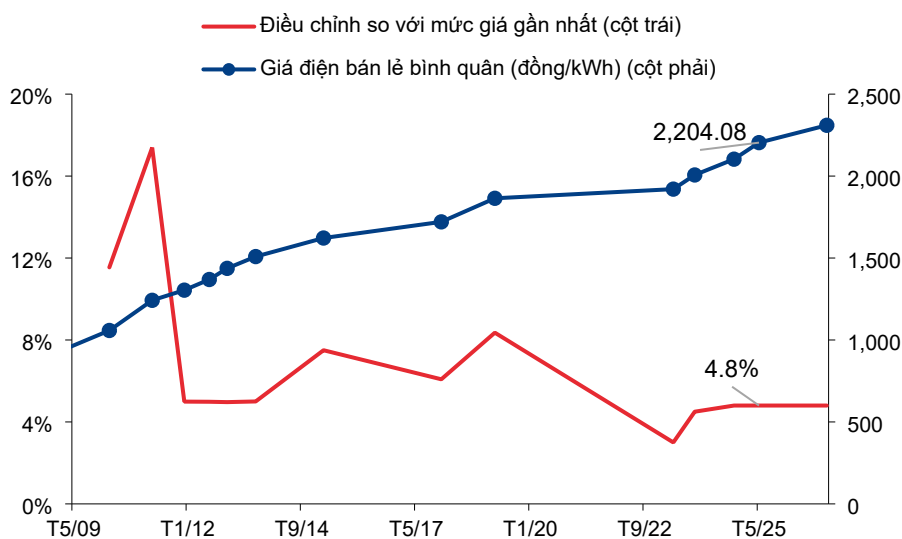


Nguồn: Đại học Michigan, HSC

Phụ lục

Biểu đồ 17: Giá điện bán lẻ bình quân

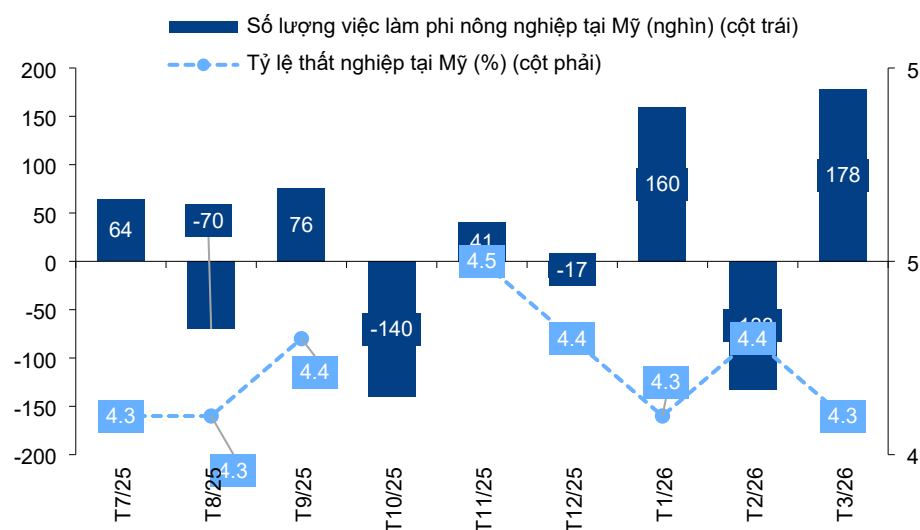
Giá bán lẻ điện bình quân gần nhất được điều chỉnh tăng 4,8% vào tháng 5/2025



Nguồn: EVN, HSC

Biểu đồ 18: Số lượng việc làm phi nông nghiệp và tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ

Số lượng việc làm phi nông nghiệp tăng 178 nghìn (sau điều chỉnh) trong tháng 3, phục hồi từ mức giảm 133 nghìn trong tháng 2 và cao hơn mức dự báo là 59 nghìn. Tỷ lệ thất nghiệp giảm nhẹ xuống 4,3%, tuy nhiên chủ yếu là do quy mô lực lượng lao động bị thu hẹp.



Nguồn: CEIC, HSC

Bảng 19: Tỷ giá thương mại (TOT) của Việt Nam

Xu hướng giảm liên tục của tỷ giá thương mại xăng dầu cho thấy chi phí nhập khẩu vẫn đang cao hơn giá xuất khẩu

	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25	Q1/26
Chỉ số chung (% so với cùng kỳ)	107.76	104.08	100.14	100.00	101.26
Thủy sản	104.39	106.23	102.97	104.04	104.22
Rau quả	96.91	99.91	100.36	105.35	98.70
Xăng dầu các loại	89.53	85.70	86.46	91.58	93.68
Cao su	117.54	108.02	98.91	93.40	95.66
Gỗ & sản phẩm gỗ	101.89	101.29	99.07	102.33	100.73
Sắt thép	102.12	99.34	96.44	93.24	99.38
Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	110.23	99.67	101.05	100.15	102.23

Nguồn: Cục Thống kê, HSC

Bảng 20: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025E	2026F	2027F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	25,480	26,300	27,000	27,500
Tỷ giá (VND: CNY)	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,491	3,761	3,885	3,929
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.36	2.87	2.55	8.54	4.98	7.04	8.02	7.60	8.00
GDP (tỷ USD)	332	346	370	411	433	476	514	546	584
GDP bình quân đầu người (USD)	3,398	3,558	3,757	4,132	4,317	4,702	5,026	5,293	5,610
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	3.67	4.35	-2.20	-0.26	6.51	5.48	3.70	3.30	3.42
Nợ công/GDP (%)	42.8	43.8	44.7	37.4	36.9	37.0	36.8	37.2	38.5
Nợ Chính phủ/GDP (%)	37.4	38.5	39.6	34.7	33.3	33.0	33.2	34.0	35.6
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.09	2.71	2.55	3.08	2.85	3.47	3.60	4.23	5.02
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	106	115	124	125	133	136	145	149	154
FDI giải ngân / FDI (%)	6.1	5.8	5.3	5.4	5.4	5.3	5.4	5.4	5.3
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.15	2.37	3.56	2.32	2.26	2.22	2.22	2.60	2.50
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.6	3.3	4.3	4.0
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	2.9	3.5	4.6	4.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.0	1.8	4.0	4.0
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	13.6	12.2	13.6	14.2	13.8	15.1	19.0	15.0	15.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	17,915	20,781	23,586	26,770
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	12.0	16.0	13.5	13.5
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	79	95	107	85	90	81	83	85	90
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	4.6	5.2	5.5	5.8
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.4	3.3	4.2	4.3
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.8	4.4	4.5
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.9	20.0	19.4	23.9
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	26.1	19.0	18.0	20.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	253	263	333	360	326	381	455	495	544
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	16.7	19.4	8.7	10.0
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	264	283	336	372	355	406	475	514	568
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	14.4	17.0	8.2	10.5
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	123	129	140	149	142	155	169	179	184
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.9	37.3	37.7	36.2	32.7	32.6	32.8	32.8	32.8
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.4	27.6	29.2	31.1
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	38.0	28.5	31.2	27.7	39.4	38.2	38.4	40.4	44.5
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	49.8	53.8	50.0	51.0
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.8	10.1	7.0	7.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.2	10.9	7.5	8.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo hàng năm (%)	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	9.8	10.5	7.0	9.5
Doanh số bán lẻ danh nghĩa hàng năm (%)	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.4	9.0	9.2	11.0	12.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t-1) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn